

Số: 21 /2009/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bản quy định một số điểm cụ thể về hỗ trợ
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông báo số 740-TB/TU ngày 29/10/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản quy định một số điểm cụ thể về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, TC;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KT VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- TT Công báo;
- Các CV Văn phòng;
- Lưu VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cường

QUY ĐỊNH

**Ban hành bản quy định một số điểm cụ thể
về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2009/QĐ-UBND
ngày 06 / 11 /2009 của UBND tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Bản quy định này quy định một số điểm cụ thể về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo yêu cầu của Nhà tài trợ khác với quy định của các Nghị định Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định hoặc trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Điều ước đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, kế hoạch và đầu tư, xây dựng, tài chính và các cơ quan khác có liên quan; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn.

2. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất).

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Những trường hợp sau đây không áp dụng bản quy định này

1. Dự án kinh doanh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, nhà đầu tư được phép nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mà không phải thực hiện thủ tục thu hồi đất.

2. Người thuê, mượn đất của người có đất bị thu hồi; các đối tượng không được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Việc xử lý tiền hỗ trợ (nếu có) giữa người có quyền sử dụng đất và người thuê lại được giải quyết theo quy định của Luật dân sự hoặc hợp đồng kinh tế các bên đã ký kết.

3. Cộng đồng dân cư xây dựng, chỉnh trang các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng bằng nguồn vốn do nhân dân đóng góp hoặc Nhà nước hỗ trợ.

4. Các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định tại các khoản 2,3,5,8,9,11 và 12 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003. Việc xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã trả trước, tài sản đã đầu tư trên đất thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Điều 4. Hỗ trợ di chuyển

Mức hỗ trợ cụ thể quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 18 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP được áp dụng tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 19 và Điều 21 của Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 12/02/2007 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành bản quy định một số điểm cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 5. Hỗ trợ tái định cư

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chỗ ở nào khác thì được giao đất ở tái định cư.

Hộ gia đình, cá nhân được nhận đất ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung.

Giao sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở Tài chính, Xây dựng và UBND các huyện, thành phố xác định giá trị 01 suất tái định cư tối thiểu, suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung và mức hỗ trợ khoản chênh lệch nêu trên cho từng dự án cụ thể.

Điều 6. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP) thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a- Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

b -Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

c- Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các điểm a và b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh, mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan Thuế xác nhận.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông trường, trạm trại nông nghiệp quốc doanh khi Nhà nước thu hồi đất mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông trường, trạm trại quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng giá đất bồi thường tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Điều 7. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó; diện tích được hỗ trợ bằng 5 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 25% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất của địa phương; diện tích được hỗ trợ bằng 5 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương.

Điều 8. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 69/2009/NĐ-CP còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng tiền bằng 2 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Trường hợp người được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu được đào tạo, học nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được miễn học phí hoặc hỗ trợ đào tạo, học nghề cho một khoá học trung học nghề tại tỉnh đối với các đối tượng trong độ tuổi lao động.

Kinh phí hỗ trợ đào tạo, học nghề cho các đối tượng chuyển đổi nghề nằm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt. Kinh phí hỗ trợ là 3.000 đồng/m² đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi trong hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Phương án đào tạo chuyển đổi nghề được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Số tiền trên không trực tiếp chi trả cho hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp bị thu hồi mà chuyển về tài khoản của Sở Lao động-Thương binh-Xã hội để đào tạo học nghề, chuyển đổi nghề cho các đối tượng trong độ tuổi lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.

3. Giao Sở Lao động-Thương binh-Xã hội thành lập quỹ đào tạo nghề, chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan trình UBND tỉnh quyết định cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định tại Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ khác

1. Các dự án đầu tư không bằng nguồn vốn ngân sách địa phương, chủ dự án hỗ trợ cho ngân sách xã, phường, thị trấn để xây dựng cơ sở hạ tầng là 6.000đồng/m² cho tổng diện tích đất thu hồi. Trường hợp thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ bằng đơn giá đất nông nghiệp được bồi thường.

2. Ngoài việc hỗ trợ theo quy định trên, căn cứ tiến độ giải phóng mặt bằng của từng dự án và tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh có thể xem xét và quyết định mức thưởng cụ thể. Mức thưởng do Chủ dự án đề xuất, thống nhất với UBND các huyện gửi sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận để đảm bảo thống nhất trên địa bàn tỉnh. Số tiền thưởng do chủ dự án chi trả và không được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

Điều 10. Giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và tính chất quy mô của dự án, UBND tỉnh có thể giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho một trong các tổ chức sau đây tại Thông báo thu hồi đất:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài và Môi trường chủ trì thực hiện;
- Hội đồng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện chủ trì thực hiện.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thay thế điều 20 Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 12/02/2007 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 điều 1, Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Hưng Yên.

2. Những phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt hoặc đang thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày 01/10/2009 thì thực hiện theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không phê duyệt lại hoặc điều chỉnh theo quy định tại quyết định này. Trường hợp thực hiện bồi thường, hỗ trợ chậm thì giá đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

3. Trường hợp đặc biệt, kể cả các trường hợp hỗ trợ khác (nếu có) UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính xem xét trình UBND tỉnh quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cường